

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật Đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số 421/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ
sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh 32 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng
đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Cụ thể:

1. Bổ sung mới 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của
Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng

lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 74,12 ha, trong đó: 6,32 ha đất trồng lúa; 0,68 ha đất rừng phòng hộ và 67,12 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 31,70 ha, bao gồm: 5,01 ha đất trồng lúa; 1,90 ha đất rừng phòng hộ và 24,79 ha các loại đất khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành. *gml*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu



Phụ lục
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: *11* /NQ-HĐND ngày *24* tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
I	Bổ sung 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			74.12	6.32	0.68	67.12
1	Nghĩa trang nhân dân xã An Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	3.00			3.00
2	Dự án di dân khẩn cấp vùng ngập lụt xã Tân Hoá, huyện Minh Hoá	Tân Hoá	Minh Hoá	22.45			22.45
3	Kè và khuôn viên trường mầm non Trường Xuân (Khu trung tâm)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.50			0.50
4	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Nguyệt Áng - Nam Long đi Trường Xuân	Tân Ninh, Xuân Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	3.00	0.90		2.10
5	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	1.97		0.68	1.29
6	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hoá và Hương Hoá	Hương Hoá, Phong Hoá	Tuyên Hoá	4.04	0.30		3.74
7	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hoá - Kim Hoá	Kim Hoá, Lê Hoá	Tuyên Hoá	5.42	0.11		5.31
8	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê	Tuyên Hoá	3.16	0.40		2.76
9	Nâng cấp đường Ngô Quyền đoạn từ đường Lê Lợi đi đường Trần Phú	Đồng Lê	Tuyên Hoá	0.23			0.23

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
10	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá, Thuận Hoá	Tuyên Hoá	4.11			4.11
11	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hoá, huyện Tuyên Hoá	Đồng Lê, Sơn Hoá	Tuyên Hoá	2.05	0.10		1.95
12	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hoá	Cao Quảng	Tuyên Hoá	3.32	0.05		3.27
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hoá, huyện Tuyên Hoá	Mai Hoá	Tuyên Hoá	2.16	0.41		1.75
14	Đường nối từ Hà Nam vào trung tâm xã Thạch Hoá, huyện Tuyên Hoá	Thạch Hoá	Tuyên Hoá	3.19	0.05		3.14
15	Dự án di dân khẩn cấp vùng sạt lở núi thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Hợp	Quảng Trạch	8.20	4.00		4.20
16	Trường tiểu học số 2 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.80			0.80
17	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Phú Định, TTNT Việt Trung	Bố Trạch	6.00			6.00
18	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (Giai đoạn 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.52			0.52
II	Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)	Đã phê duyệt		24.64	4.14		20.50
		Nay điều chỉnh		31.70	5.01	1.90	24.79
1	Nâng cấp đường từ phía Nam nhà văn hoá thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Đã phê duyệt	Gia Ninh	Quảng Ninh	2.80		2.80
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh	Quảng Ninh	1.52	0.32	1.20
2	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Đã phê duyệt	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.50		2.50
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.32	1.58	0.74

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
3	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bồ Trạch	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bồ Trạch	0.50			0.50
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bồ Trạch	0.62	0.60		0.02
4	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.50	0.50		
		Nay điều chỉnh	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.65	0.56		0.09
5	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	2.00			2.00
	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	4.90			4.90
6	Hạ tầng kết nối giao thông từ xã Cảnh Dương đi Quốc lộ 1	Đã phê duyệt	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.58	0.97		1.61
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng tuyến đường từ trung tâm xã Cảnh Dương đi xã Quảng Tùng	Nay điều chỉnh	Cảnh Dương, Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.58	0.97		1.61
7	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bồ Trạch	0.40			0.40
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bồ Trạch	0.50			0.50
8	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bồ Trạch	3.12	0.93		2.19
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bồ Trạch	3.55	0.75		2.80
9	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Phú Định	Bồ Trạch	4.35			4.35
		Nay điều chỉnh	Phú Định	Bồ Trạch	4.46			4.46

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
10	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Tây Trạch	Bố Trạch	0.96	0.86		0.10
		Nay điều chỉnh	Tây Trạch	Bố Trạch	1.50	1.24		0.26
11	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	NT Việt Trung	Bố Trạch	2.51			2.51
		Nay điều chỉnh	NT Việt Trung	Bố Trạch	5.03			5.03
12	Khu tái định cư khu vực Đồng Lớn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.86			0.86
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	1.61			1.61
13	Trường mầm non Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.74	0.53		0.21
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.78	0.54		0.24
14	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.82	0.35		0.47
		Nay điều chỉnh	Cự Nẫm	Bố Trạch	1.68	0.35		1.33
Tổng (I+II): 32 dự án					105.82	11.33	2.58	91.91

Ghi chú: 32 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng